

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sadico Cần Thơ

Ngày 30/09/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.4%	-	-

DT thuần Q3/25
189
tỷ VNĐ
QoQ: ▼105 -35.8%
YoY: ▼106 -36.0%

LN thuần Q3/25
-47.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼51.5 -1254%
YoY: ▼56.1 -647%

LN sau thuế Q3/25
-47.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼52.1 -1015%
YoY: ▼55.5 -654%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-22.6%
YoY: +/-▼ 25.5%

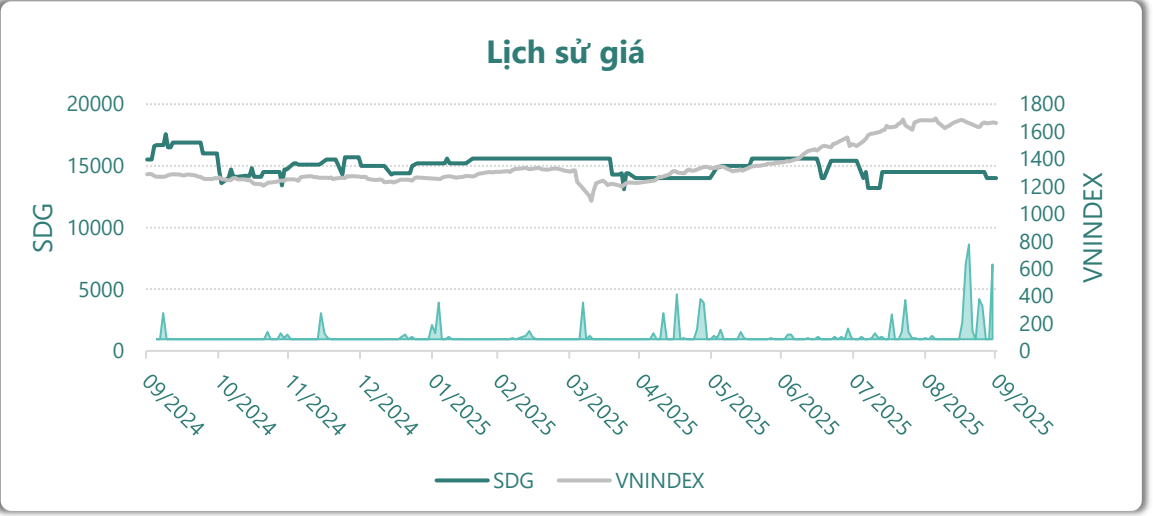
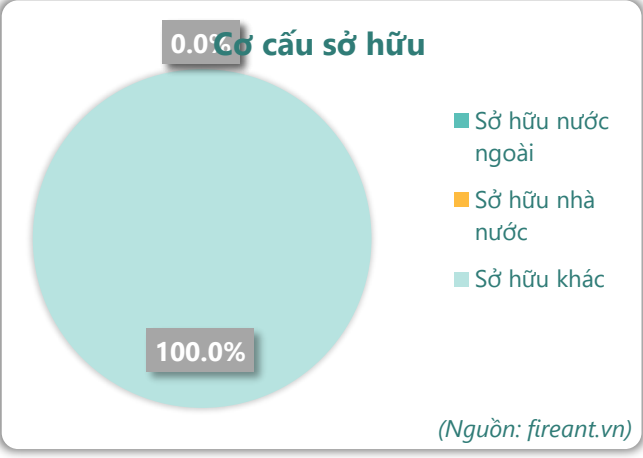
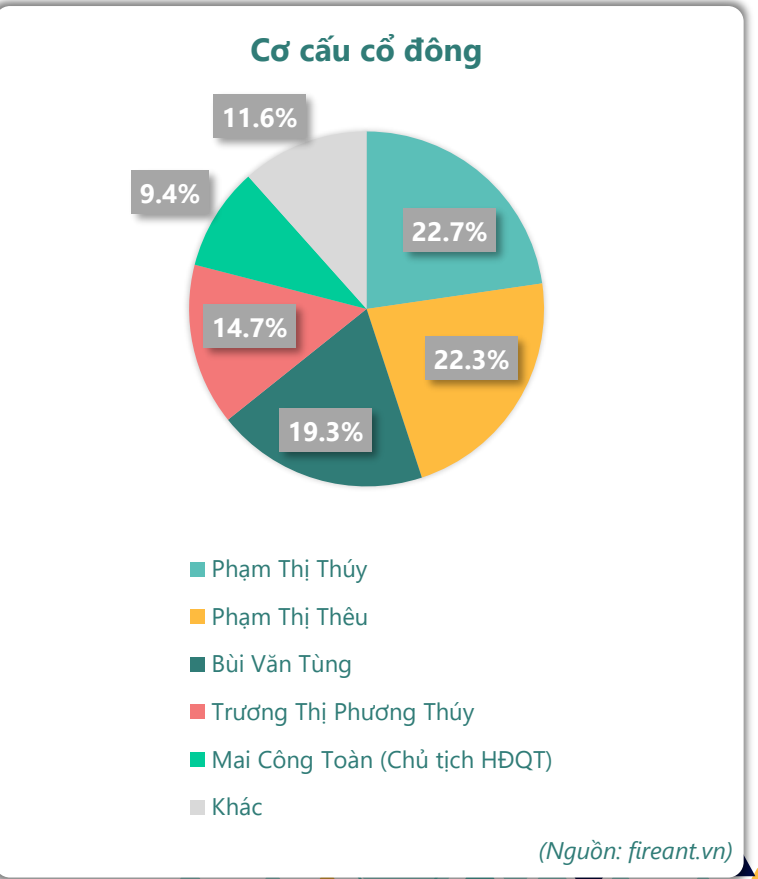
ROE (TTM) Q3/25
-9.6%
YoY: +/-▼ 8.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	13,100 - 17,570
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	142
Số lượng CPLH (CP)	10,139,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	110
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.19)
EPS	-2,927
P/E	-4.8

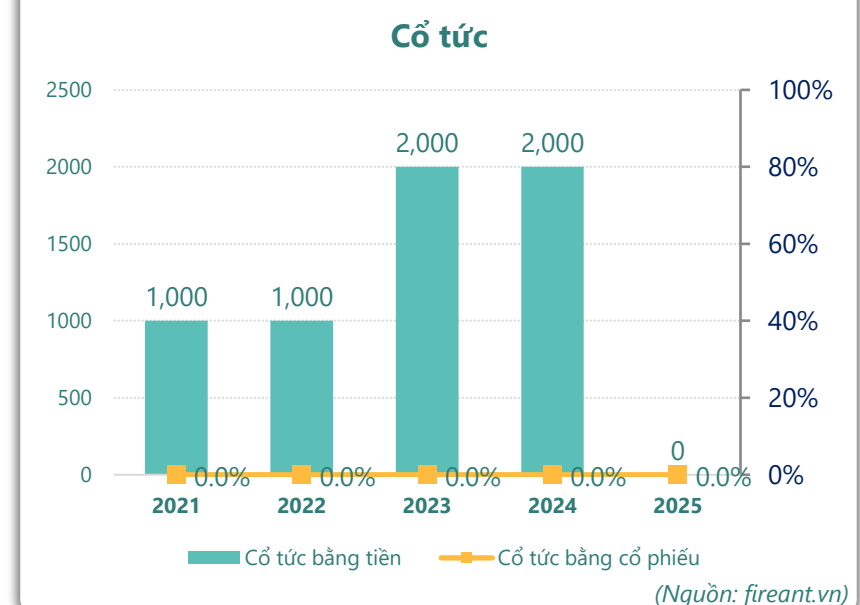
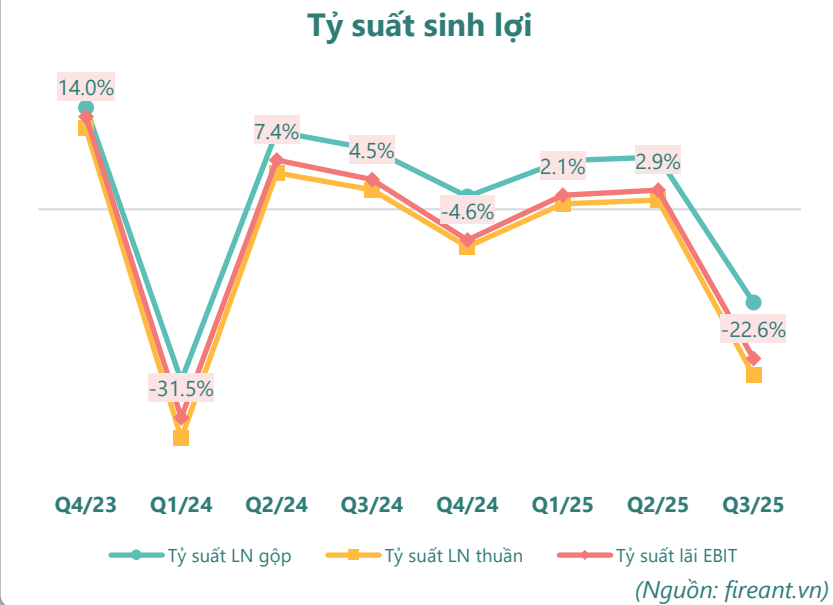
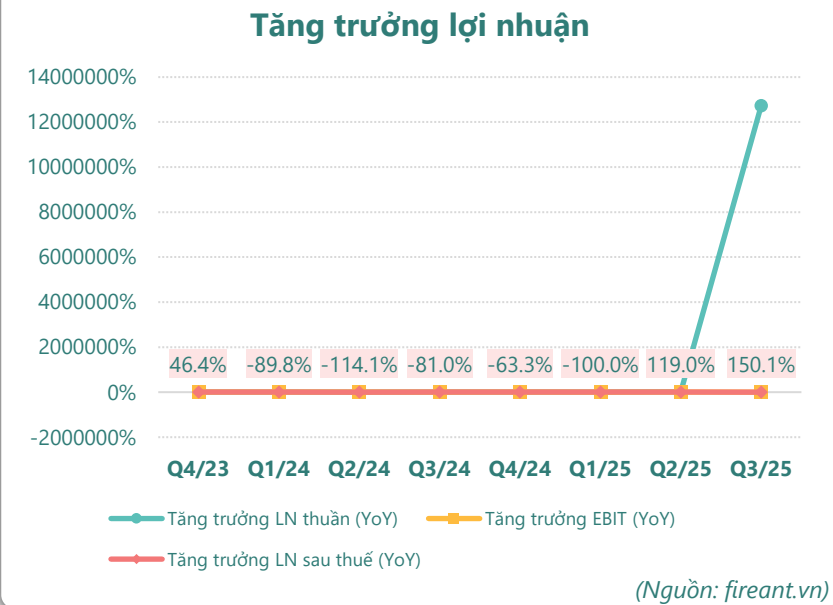
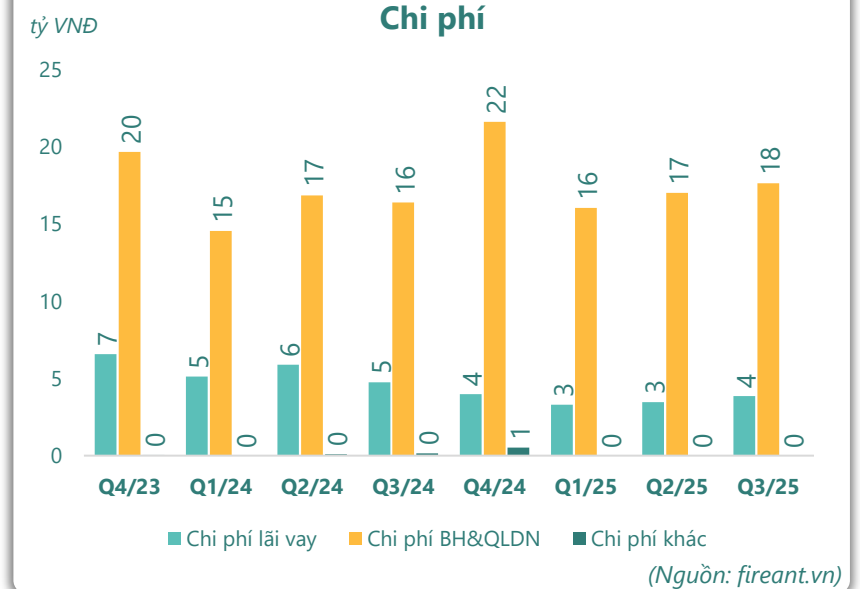
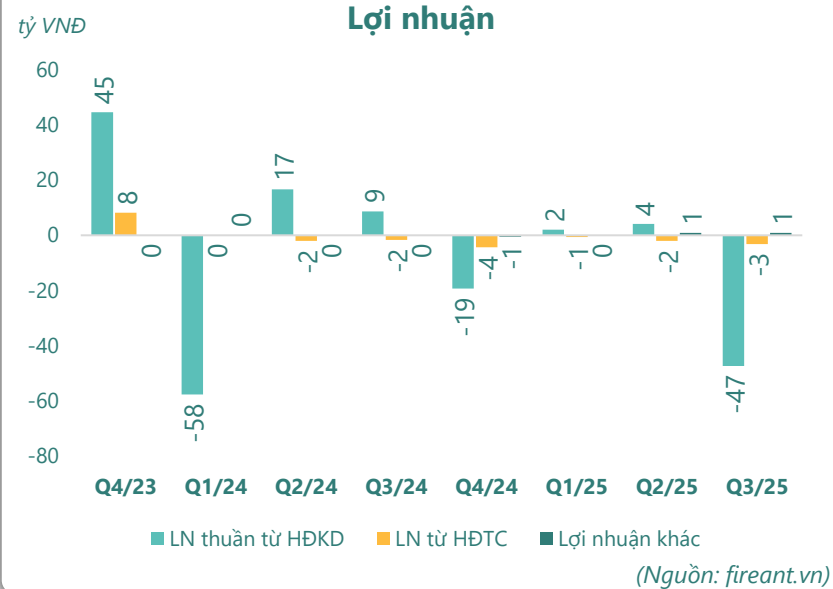
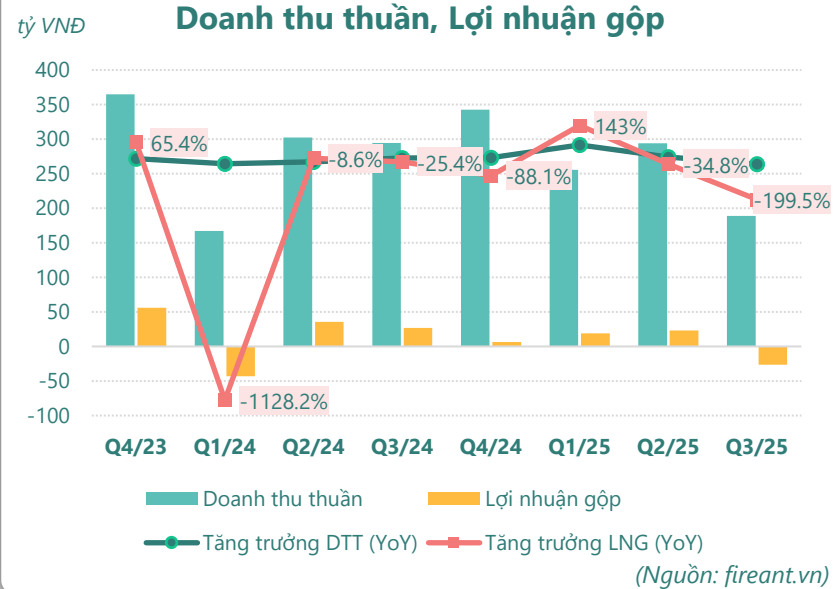
DT thuần 9T 2025
739
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.0 -3.3%

LN thuần 9T 2025
-41.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.70 -26.9%

LN sau thuế 9T 2025
-39.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.70 -20.1%



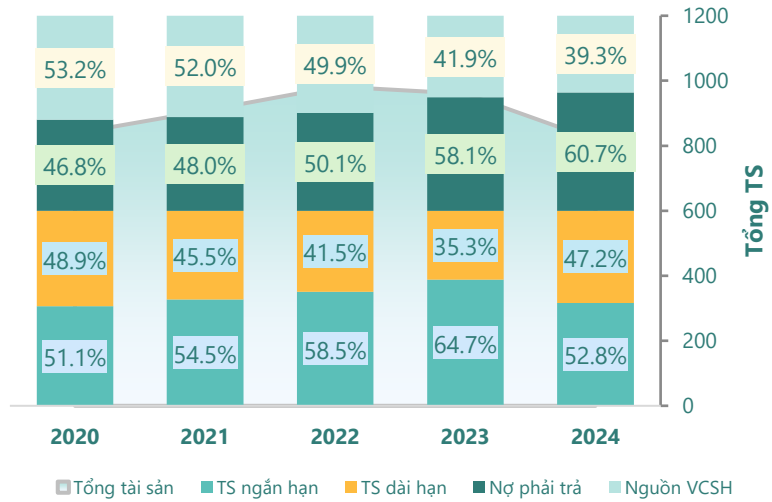
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

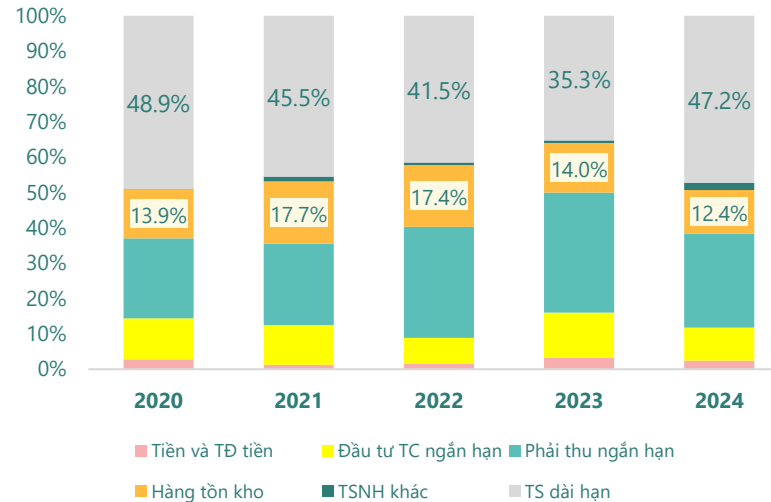
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

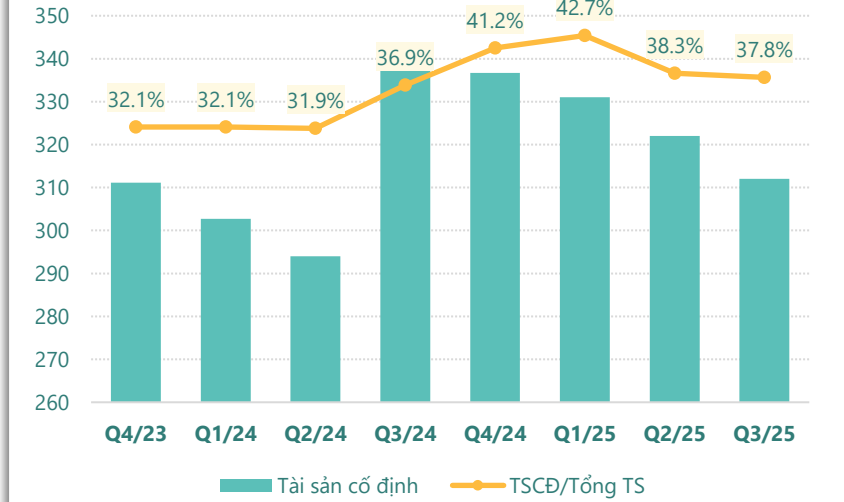
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

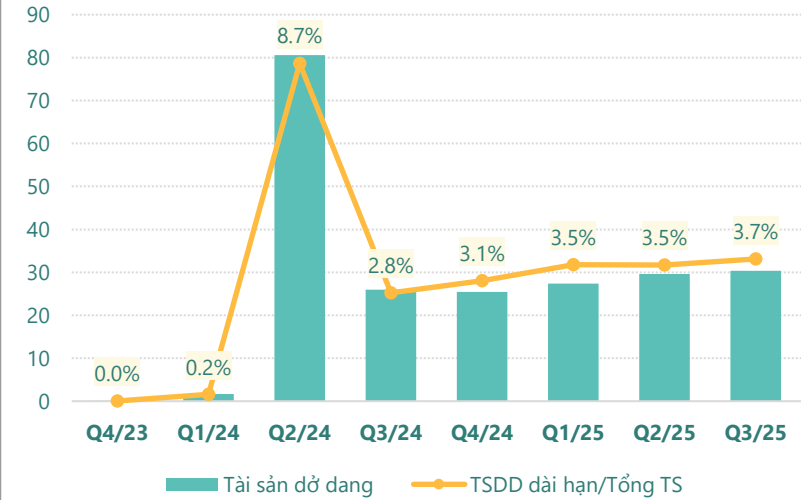
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

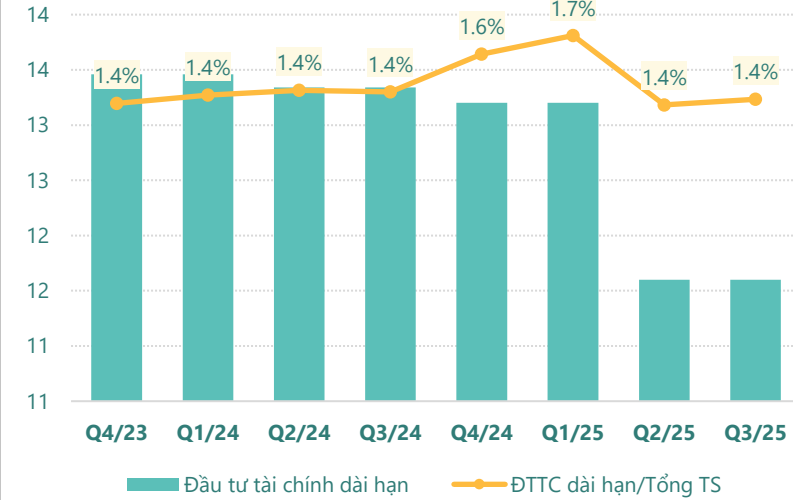
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

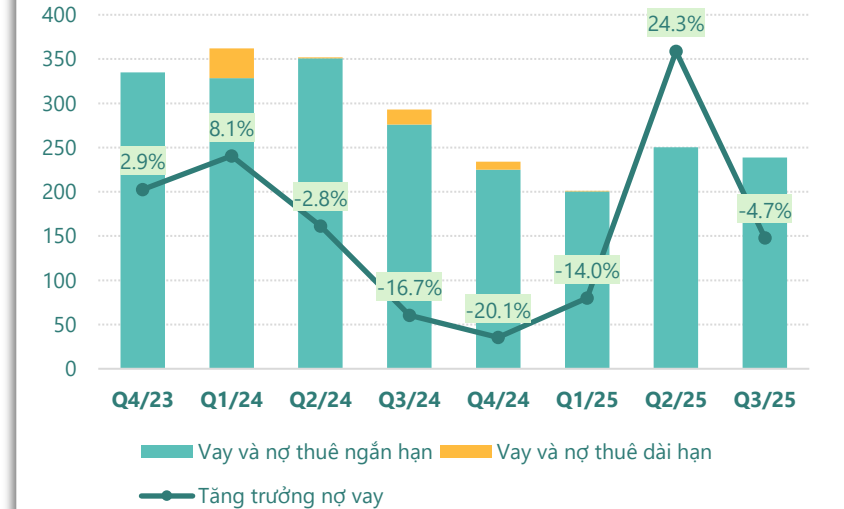
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

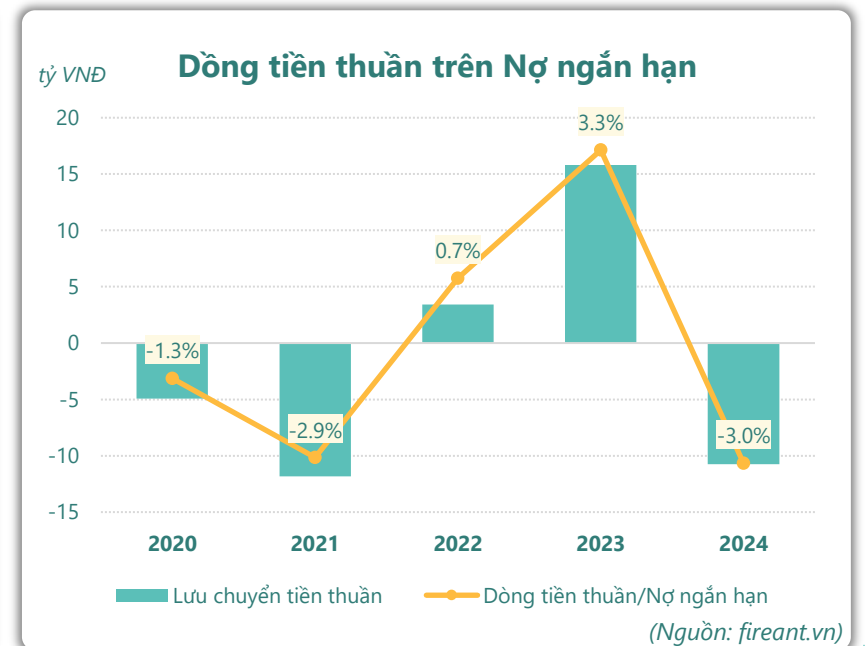
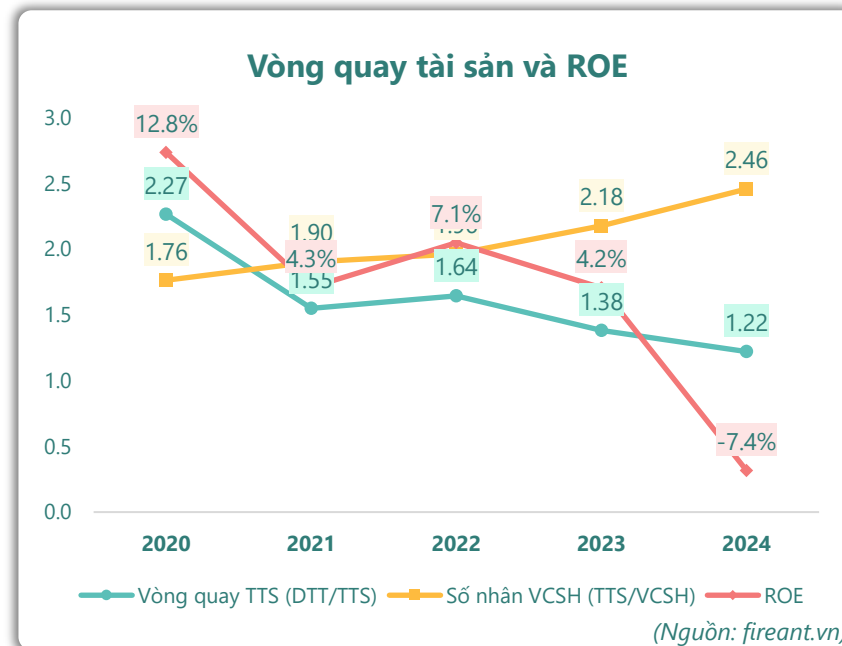
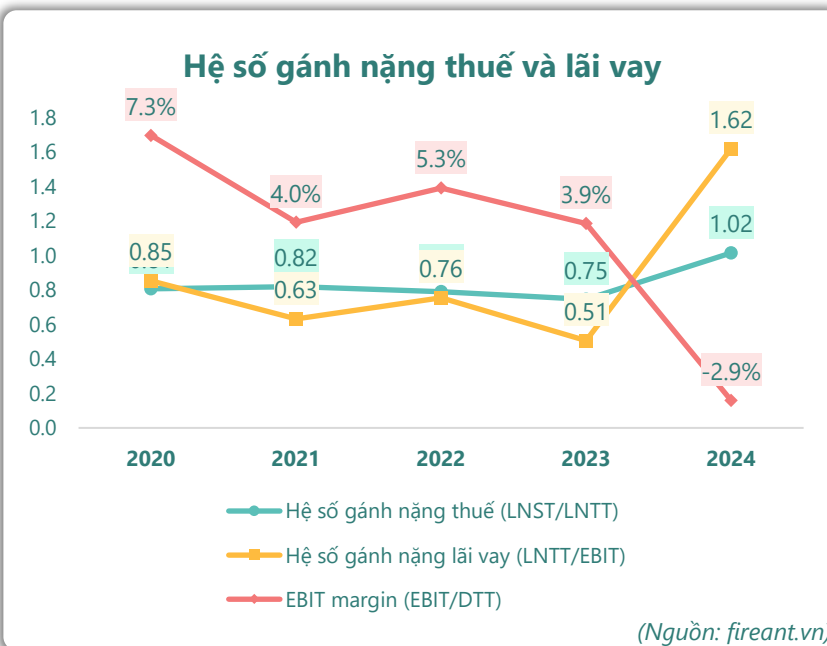
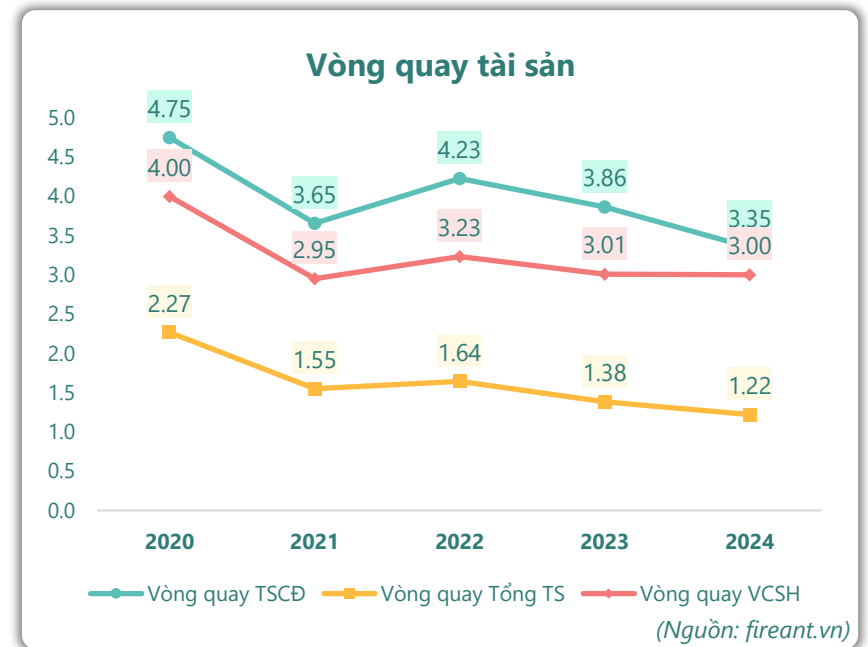
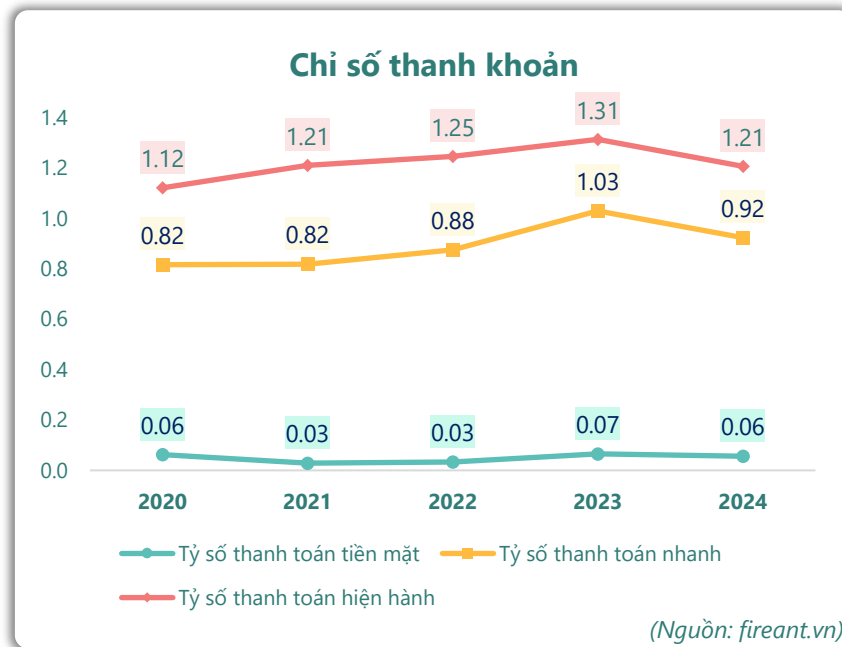
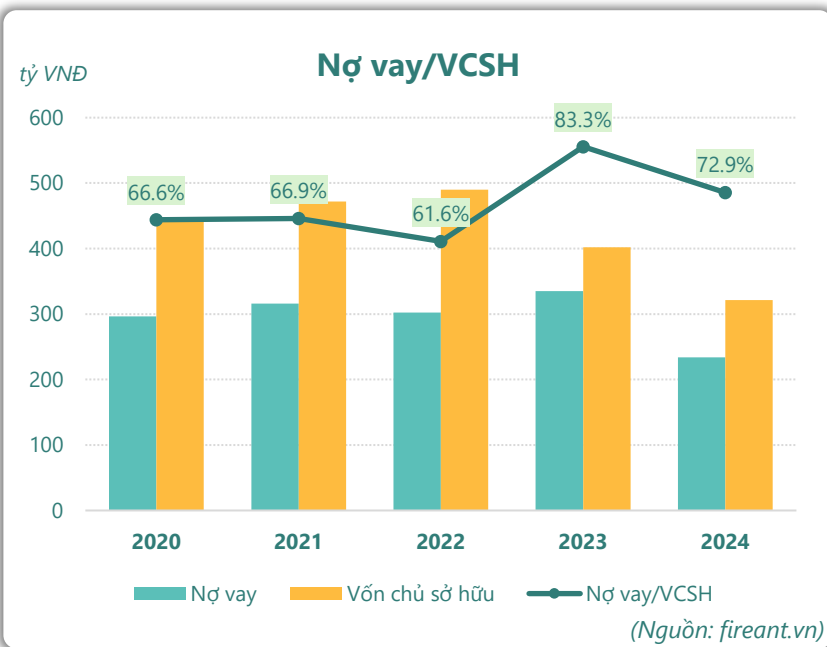
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	189	295	-36.0%	739	764	-3.3%
Giá vốn hàng bán	215	268	-19.6%	723	745	-2.9%
Lợi nhuận gộp	-26.6	26.8	-199%	15.4	19.1	-19.3%
Doanh thu HĐTC	0.51	3.09	-83.5%	4.63	12.2	-62.2%
Chi phí TC	3.68	4.75	-22.5%	10.5	16.0	-34.1%
Chi phí lãi vay	3.87	4.75	-18.5%	10.6	15.8	-32.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	6.76	6.16	9.7%	19.0	17.3	9.9%
Chi phí QLDN	10.9	10.3	5.8%	31.7	30.6	3.8%
LN thuần từ HĐKD	-47.4	8.67	-647%	-41.2	-32.5	-26.9%
Lợi nhuận khác	0.94	-0.16	685%	1.87	-0.18	1149%
LN trước thuế	-46.5	8.51	-646%	-39.4	-32.7	-20.5%
Lợi nhuận sau thuế	-47.0	8.49	-654%	-39.9	-33.2	-20.1%
LNST của CĐ cty mẹ	-24.6	1.46	-1783%	-19.9	-17.6	-13.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	72.3	58.4	53.4	35.8	-68.7	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-58.8	34.6	2.51	-9.35	12.9	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.2	-73.1	-63.9	-32.8	48.9	0
Tiền đầu kỳ	16.5	19.7	28.3	20.2	13.9	0
Lưu chuyển tiền thuần	3.27	19.9	-8.07	-6.38	-6.85	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	19.7	28.3	20.2	13.9	7.01	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	825	817	1.0%
Tài sản ngắn hạn	462	431	7.2%
Tiền và tương đương tiền	6.55	20.2	-67.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72.7	76.0	-4.3%
Phải thu ngắn hạn	194	217	-10.9%
Hàng tồn kho	175	101	73.0%
Tài sản ngắn hạn khác	14.4	16.7	-13.8%
Tài sản dài hạn	363	386	-5.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	312	337	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	30.4	25.3	20.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.6	13.2	-12.1%
Tài sản dài hạn khác	7.88	9.34	-15.6%
Lợi thế thương mại	1.02	1.30	-22.0%
Nợ phải trả	547	496	10.2%
Nợ ngắn hạn	377	357	5.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	239	233	2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	71.6	67.4	6.2%
Nợ dài hạn	169	138	22.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.81	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	279	321	-13.3%
Vốn chủ sở hữu	279	321	-13.3%
Vốn điều lệ	101	101	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

